XÁC ĐỊNH HIỆU QUẢ BẢO QUẢN MỘT SỐ LOẠI QUẢ TƯƠI CỦA HỘP BẢO QUẢN TÍCH HỢP MÀNG MAP

DETERMINING THE PRESERVATION EFFECTIVENESS OF SOME FRESH FRUITS IN A MAP BOX

Trần Hồng Hậu[1], Nguyễn Thị Mai Hương[1], Chu Xuân Quang[2], Đặng Thảo Yến Linh[2]

[1]Khoa Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

[2]Trung tâm Công nghệ vật liệu, Viện Ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

Đến Tòa soạn ngày 11/11/2020, chấp nhận đăng ngày 07/01/2021

Tóm tắt: Những năm gần đây, công nghệ MAP (Modified Atmosphere Packaging - MAP) được ứng dụng rộng rãi trong bảo quản, lưu giữ các loại rau, củ quả tươi. Tuy nhiên sản phẩm bao gói MAP dạng túi sử dụng thực tế đã bộc lộ một số nhược điểm về khả năng bảo vệ nông sản khỏi dập nát. Trong nghiên cứu này, hộp bảo quản nông sản tích hợp màng MAP đã được chế tạo, giúp khắc phục được một số nhược điểm của màng MAP thông thường. Hai loại quả tươi là: xoài Cát và bơ Sáp đã được sử dụng để thử nghiệm bảo quản đánh giá hiệu quả của hộp tích hợp màng MAP. Kết quả, bảo quản các loại quả trên với khối lượng 5 kg trong hộp MAP kích thước 43,5×31×25 cm, sử dụng số lượng các lỗ trao đổi khí khác nhau phù hợp với hô hấp của từng loại quả, điều kiện nhiệt độ 5-10°C duy trì được chất lượng xoài Cát sau 7 tuần (49 ngày) và bơ Sáp sau 20 ngày bảo quản, chất lượng của các loại quả sau khi bảo quản đều có sự khác biệt rõ rệt khi so sánh với phương pháp bảo quản thông thường bằng hộp carton.

Từ khóa: Hộp bảo quản, MAP, nông sản tươi, quả xoài, quả bơ.

Abstract: In recent years, MAP (Modified Atmosphere Packaging - MAP) technology is widely used in preserving and storing fresh vegetables and fruits. However, the bag-based on MAP packaging product in actual review in its ability to protect agricultural products from crushing. In this study, a preservation box for agricultural products with integrated MAP film was created, helping to overcome some disadvantages of conventional MAP film. Two types of fruits are: Cat mango and Sap avocado were used for preservation testing to evaluate the effectiveness of the MAP box. The result shows that store the above fruits with a mass of 5 kg in a 43.5 × 31 × 25 cm MAP box, using a different number of gas exchange holes suitable for the respiration of each fruit. The temperature condition of 5-10°C maintains the quality of the Cat mango after 7 weeks (49 days) and the avocado after 20 days of storage, the quality of the fruits after storage are different when compared with normal carton preservation.

Keywords: MAP box, Modified Atmosphere Packaging - MAP, fresh vegetables and fruits, mango, avocado.

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP SBR-MBR ỨNG DỤNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT PHÁT SINH TỪ CHUNG CƯ CAO TẦNG

A DEVELOPMENT STUDY ON THE INTEGRATED SBR-MBR TECHNOLOGY FOR TREATING APARTMENT DOMESTIC WASTEWATER

Bùi Thị Thủy Ngân[1], Trần Hùng Thuận[1], Đỗ Khắc Uẩn[2], Nguyễn Văn Tuyến[1], Chu Xuân Quang[1,*]

[1]Trung tâm Công nghệ vật liệu, Viện Ứng dụng công nghệ (NACENTECH)

[2]Viện Khoa học và công nghệ môi trường, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (HUST)

Đến Tòa soạn ngày 17/11/2020, chấp nhận đăng ngày 26/12/2020

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định điều kiện vận hành phù hợp và đánh giá khả năng xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ các tòa nhà chung cư cao tầng của công nghệ tích hợp SBR-MBR. Hệ thống SBR-MBR đã được thiết kế trên cơ sở kết hợp các công nghệ xử lý sinh học theo mẻ (SBR) và xử lý sinh học - lọc màng (MBR). Các thông số kỹ thuật chính như: năng suất lọc, giai đoạn SBR kết hợp lọc màng, chế độ lọc màng… đã được khảo sát và lựa chọn. Nước thải đầu vào có khoảng giá trị COD, BOD_5, NH_4^+, PO_4^{3-}, SS lần lượt là 326 - 548 mg/L, 195-320 mg/L; 36-54 mg/L, 8-22 mg/L; 110-254 mg/L. Năng suất lọc thích hợp được lựa chọn là 40 L/m^2.h. Giai đoạn vận hành thích hợp là tiến hành lọc màng trong giai đoạn lắng và rút nước (sau khi kết thúc giai đoạn xử lý sinh học hiếu khí). Hiệu quả xử lý COD, BOD_5, NH_4^+, PO_4^{3-}, SS lần lượt là 90,4; 90,0; 91,6; 77,3; 98,0%. Kết quả cho thấy công nghệ tích hợp SBR-MBR là công nghệ phù hợp để xử lý nước thải sinh hoạt tại các tòa nhà chung cư cao tầng.

Từ khóa: Công nghệ SBR, công nghệ MBR, công nghệ tích hợp SBR-MBR, nước thải sinh hoạt.

Abstract: This study is aimed to select the suitable operating condition and to evaluate the efficiency of the integrated SBR-MBR technology for treating apartment domestic wastewater. The SBR-MBR system is an integration of the sequencing batch reactor (SBR) and the membrane bio-reactor (MBR). Major technical parameters such as flux, SBR stage combined with filtration, filtration condition, etc. were investigated in order to choosing the suitable operation mode. The influence is having COD, BOD_5, NH_4^+, PO_4^{3-}, and SS concentration of 326-548 mg/L, 195-320 mg/L; 36-54 mg/L, 8-22 mg/L; and 110-254 mg/L respectively. Appropriate permeate flux was found to be 40 L/m^2.h. Integrating membrane filtration step into the settle and decant stages is most sutable operating condition. The removal efficiency of COD, BOD_5, NH_4^+, PO_4^{3-}, and SS were respectively 90,4; 90,0; 91,6; 77,3; and 98,0%. In conclusion, the integrated SBR-MBR technology is an effective solution for treating apartment domestic wastewater.

Keywords: Sequencing batch reactor; membrane bioreactor; membrane sequencing batch reactor, domestic wastewater.

NGHIÊN CỨU ĐIỀU KIỆN BIẾN TÍNH TINH BỘT DONG RIỀNG BẰNG ENZYM VÀ ỨNG DỤNG CHẾ BIẾN MỨT QUẢ

RESEARCH OF MODIFYING CANNA EDULIS KER STARCH BY ENZYME AND APPLICATION IT IN PROCESSING OF FRUIT JAM

Vũ Thị Ngọc Bích, Vũ Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Chà

Khoa Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 08/01/2021, chấp nhận đăng ngày 09/03/2021

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố nồng độ tinh bột, nồng độ enzym và thời gian biến tính đến các đặc tính: độ nhớt, độ bền gel và mức độ thoái hóa của tinh bột dong riềng, từ đó xác định điều kiện biến tính để có được những tính chất phù hợp của tinh bột sử dụng làm phụ gia cho sản xuất mứt quả. Kết quả đã xác định được: sử dụng enzym Termamyl-120L để biến tính tinh bột dong riềng với nồng độ tinh bột 30%; nồng độ enzym 0,4%; thời gian 60 phút, thu được tinh bột biến tính biến tính có độ nhớt, độ bền gel, mức độ thoái hóa đều giảm so với tinh bột gốc và phù hợp để làm phụ gia trong chế biến mứt đông từ quả dâu. Với tỷ lệ 0,5% tinh bột biến tính, mứt dâu chế biến có chất lượng tốt tương đương với khi sử dụng phụ gia pectin nhập ngoại thường dùng.

Từ khóa: Tinh bột, biến tính, dong riềng, enzym, nồng độ.

Abstract: This study investigates the effects of denatured starch concentration, enzyme concentration and time on the properties: viscosity, gel strength and degeneration of Cana edulis ker starch, thereby determining the denatured condition for modified starch to used as an additive in fruit jam production. The results have been determined: using Termamyl-120L enzyme to denatured Cana edulis ker starch with starch concentration 30%; enzyme concentration 0.4%; time of 60 minutes, obtained modified starch with viscosity, gel strength, degeneration are all reduced compared to the original starch and suitable as an additive in processing jam from Morus alba . With the rate of 0.5% modified starch, the quality of processed Morus alba jam is equivalent quality of jam when using the common pectin additive.

Keywords: Starch, modify, cana edulis ker, enzyme, concentration.

TÍNH TOÁN THIẾT KẾ Ổ TRƯỢT THỦY ĐỘNG ỨNG DỤNG TRONG BƠM NƯỚC CẤP

DESIGN FOR HYDRODYNAMIC LUBRICATION BEARINGS OF BOILER FEED PUMP

Nguyễn Anh Tuấn, Phan Trọng Đức

Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 01/03/2021, chấp nhận đăng ngày 25/03/2021

Tóm tắt: Ổ trượt thủy động làm việc ở chế độ bôi trơn ma sát ướt. Đặc điểm của ổ trượt thủy động là trong quá trình làm việc ngõng trục luôn được đặt trên một nêm dầu có áp lực cao. Chính đặc điểm trên đã giúp nâng cao tuổi thọ và độ tin cậy của thiết bị sử dụng ổ trượt thủy động. Bài báo này sẽ xây dựng một phương pháp tính toán thiết kế ổ trượt thủy động ứng dụng trong bơm nước cấp, hướng đến làm chủ quy trình thiết kế chế tạo phục hồi ổ trượt của bơm nước cấp.

Từ khóa: Ổ trượt thủy động, bơm nước cấp, màng dầu bôi trơn.

Abstract: Hydrodynamic journal bearings work in wet friction lubrication mode. The shaft of these bearings is always placed on a high pressure oil wedge during its working process. Thus, this is an important factor that is useful for improving the durability and reliability of the equipment using hydrodynamic bearings. This paper presents a design method for hydrodynamic bearings used in boiler feed pump. It aims to master the design and manufacture process for hydrodynamic bearings of boiler feed pump.

Keywords: Hydrodynamic journal bearings, boiler feed pump, lubricating oil film.

NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU KHIỂN BÁM QUỸ ĐẠO CHO ROBOT DI ĐỘNG

A RESEARCH ON MOBILE ROBOT PATH TRACKING

Vũ Công Thành[1*], Nguyễn Anh Tú[2]

[1]*Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp*

[2]*Khoa Cơ khí, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*

Đến Tòa soạn ngày 02/03/2021, chấp nhận đăng ngày 26/03/2021

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của robot di động nhận được nhiều sự chú ý của các nhà khoa học, trong đó việc xây dựng bộ điều khiển bám quỹ đạo cho robot có vai trò quan trọng, đóng vai trò quyết định trong việc di chuyển ổn định của robot. Bài báo trình bày phương pháp điều khiển bám quỹ đạo cho robot di động sử dụng thuật toán pure pursuit dựa trên hệ thống định vị đa cảm biến. Thuật toán sử dụng đơn giản và dễ thực hiện được thiết lập trên các thuộc tính cơ bản của mô hình động học so với đường dẫn, nhưng đem lại hiệu suất cao trong việc điều hướng. Kết quả thử nghiệm cho thấy độ chính xác và sự ổn định về vị trí và hướng của robot khi làm việc ở các đường dẫn khác nhau.

Từ khóa: Bám quỹ đạo, robot di động, bộ điều khiển.

Abstract: In recent year, a fast evolution of mobile robots has been received attention from researchers, in which building a controller follow a predefined path plays an important role in the accuracy moving of robot. This research paper presents an application of a pure pursuit algorithm for mobile robots using the multiple sensors localization method. The algorithm is a simple and easy method based on the basic properties of the kinematic model with path, but it offers high efficiency in motion. The experimental results show remarkable accuracy and stability of the proposed method concerning positions, directions in the different desired trajectories.

Keywords: Path-tracking, mobile robot, controller.

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THÔNG SỐ CÔNG NGHỆ ĐẾN ĐỘ NHÁM BỀ MẶT KHI PHAY HỢP KIM NHÔM AA7075

EXPERRIMENTAL STUDIES ON THE EFFECT OF CUTTING PARAMETERS ON THE SURFACE ROUGHNESS IN MILLING OF AA7075 ALUMINIUM ALLOY

Lê Như Trang[2], Trần Xuân Thái[1], Nguyễn Trọng Hải[1]

[1]Viện Cơ khí, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội,

[2]Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 05/03/2021, chấp nhận đăng ngày 26/03/2021

Tóm tắt: Bài báo này nghiên cứu mối quan hệ và đánh giá ảnh hưởng của các thông số công nghệ đến độ nhám bề mặt chi tiết khi phay hợp kim nhôm AA7075; xây dựng phương trình hồi quy độ nhám bề mặt khi gia công không sử dụng dung dịch trơn nguội; nghiên cứu thực nghiệm so sánh độ nhám bề mặt khi gia công có sử dụng dung dịch trơn nguội và không sử dụng dung dịch trơn nguội và đưa ra các biểu đồ mức độ ảnh hưởng của các thông số công nghệ đến độ nhám bề mặt; đánh giá hiệu quả của việc gia công có sử dụng dung dịch làm mát và không sử dụng dung dịch làm mát. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở đề các nhà công nghệ lựa chọn điều kiện gia công cho phù hợp kinh tế mà vẫn đảm bảo được năng suất và chất lượng chi tiết gia công.

Từ khóa: Gia công khô, gia công ướt, hợp kim nhôm AA7075, độ nhám bề mặt.

Abstract: This paper studied the relationship and evaluation of the influence of cutting parameters on the surface roughness in the milling of the aluminum alloy AA7075. The regression equation of the surface roughness was built in the dry machining process. An experimental study comparing the surface roughness during

the wet machining and the dry machining and the influence of the technological parameters on surface roughness were given. The effects of machining using coolant and not use coolant were also evaluated. The research results are useful for the technology providers to decide the appropriate economically processing conditions for ensuring the productivity and quality of the machining details.

Keywords: AA 7075 aluminum alloy, surface roughness, dry machining, wet machining.

VỐN TRÍ TUỆ TRONG KỶ NGUYÊN BÁO CÁO TÍCH HỢP

INTELLECTUAL CAPITAL IN THE INTEGRATED REPORTING

Hoàng Thu Hiền

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 20/03/2020, chấp nhận đăng ngày 15/04/2020

Tóm tắt: Báo cáo tích hợp (BCTH) là một sự phát triển nổi trội trong việc lập báo cáo của các công ty. Báo cáo này cho phép các tổ chức không chỉ công bố thông tin tài chính mà còn tích hợp cả thông tin phi tài chính, nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà quản trị và các bên có liên quan. BCTH đã được rất nhiều các tổ chức lớn và các tập đoàn đa quốc gia trên thế giới công bố. Bài báo này tập trung nghiên cứu, thảo luận việc công bố vốn trí tuệ được thể hiện trong BCTH hiện nay như thế nào. Từ đó nâng cao việc công bố vốn trí tuệ thông qua BCTH.

Từ khóa: Vốn sở hữu trí tuệ, Báo cáo tích hợp, IIRC, IR, GRI.

Abstract: Intergated reporting <IR> is the big new development in corporate reporting that everyone is talking about. This report supplies not only financial information but also non-financial information, provide useful information for executives and stakeholders. Integrated reporting has been published by many big organizations and multinational corporations. The purpose of this paper is researching and discussing how the disclosure of intellectual capital in intergated reporting. Since then improve the disclosure of intellectual capital through the intergated reporting.

Keywords: Intellectual capital, Intergrated reporting, IIRC, IR, GRI.

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM ĐỂ XÂY DỰNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN CÔNG

INTERNATIONAL EXPERIENCE AND LESSONS FOR VIETNAM TO BUILD STANDARDS ACCOUNTING

Trần Thị Thắm

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 30/03/2020, chấp nhận đăng ngày 08/05/2020

Tóm tắt: Việt Nam trong những năm gần đây, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang diễn ra ngày càng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Khi đó, đòi hỏi Việt Nam phải cam kết minh bạch hóa thông tin kế toán đặc biệt minh bạch trong lĩnh vực kế toán công, các thông tin cung cấp phải mang tính chuẩn mực có thể so sánh và được quốc tế thừa nhận. Mặt khác, Việt Nam đang triển khai Đề án tổng kế toán nhà nước nhằm xây dựng hệ thống kế toán nhà nước đồng nhất, đầy đủ, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tế tại Việt Nam. Việc xây dựng và ban hành các chuẩn mực kế toán công của Việt Nam trong điều kiện hiện nay là cần thiết để tạo ra một môi trường pháp lý quan trọng trong kế toán công để góp phần quản lý ngày càng tốt hơn tài sản của Nhà nước. Xuất phát từ lý do trên bài viết đề cập về kinh nghiệm quốc và bài học cho Việt Nam để xây dựng chuẩn mực kế toán công là cần thiết và tất yếu hiện nay.

Từ khóa: Chuẩn mực kế toán, bài học kinh nghiệm, kế toán công Việt Nam.

Abstract: Vietnam in recent years, the process of international economic integration has been taking place more and more deeply in many fields. At that time, Vietnam was required to commit to the transparency of accounting information, especially in the field of public accounting, the provided information must be comparable and internationally accepted standards. On the other hand, Vietnam is implementing the State General Accounting Scheme to build a uniform, complete and transparent State accounting system, consistent with international practices and reality in Vietnam. The development and promulgation of Vietnam's public accounting standards under current conditions is necessary to create an important legal environment in public accounting to contribute to better management of public assets. Stemming from the reason on the article on national experiences and lessons for Vietnam to build public accounting standards is necessary and indispensable today.

Keywords: Accounting standards, lessons learned, Vietnamese public accountant.

SỬ DỤNG CÔNG CỤ KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOÀI CÔNG LẬP CỦA VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

APPLYING ACCOUNTING AND AUDITING TOOL TO ENHANCE THE EFFICIENCY OF FINANCIAL MANAGEMENT IN VIETNAMESE PRIVATE UNIVERSITIES AT HA NOI

Hoàng Thị Phương Lan

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 30/03/2020, chấp nhận đăng ngày 08/05/2020

Tóm tắt: Bài viết đã nêu rõ lợi ích việc sử dụng công cụ kế toán và kiểm toán để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính ở các trường đại học ngoài công lập của Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá thực trạng sử dụng công cụ kế toán và kiểm toán tại các trường đại học ngoài công lập của Việt Nam, bài viết đã nhận định các vấn đề cần giải quyết để nâng cao hiệu quả sử dụng công cụ kế toán và kiểm toán trong việc quản lý các khoản thu, chi và phân tích tình hình tài chính cùng với giải pháp tăng cường kiểm toán nội bộ cho các trường này.

Từ khóa: Kế toán, kiểm toán, đại học ngoài công lập.

Abstract: The article has clearly stated the advantages of utilizing accounting and auditing tools to improve the effectiveness of financial management at non-public universities in Vietnam. Based on the assessment of the current situation of using accounting and auditing tools at Vietnamese private universities, the article identifies the issues that require to be solved to enhance the efficiency of using those tools when managing revenues and expenditure, and analyze the financial situation along with solutions to strengthen internal audits for these universities.

Keywords: Accounting, audit, private universities

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA KẾ TOÁN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

FACTORS AFFECTING LEARNING OUTCOMES OF ACCOUNTING STUDENTS AT UNIVERSITY OF ECONOMICS – TECHNOLOGY FOR INDUSTRIES

Hoàng Thị Huyền

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 12/04/2020, chấp nhận đăng ngày 10/05/2020

Tóm tắt: Mục đích của nghiên cứu là khám phá và đo lường những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Số liệu được sử dụng trong phân tích được thu thập từ 528 sinh viên. Kết quả cho thấy động cơ học tập có tác động mạnh mẽ đến kết quả học tập. Thêm vào đó, các nhân tố như mức độ thích thú và quan tâm của giảng viên, tương tác giữa sinh viên và giảng viên, việc tổ chức học phần, mức độ đáp ứng của giảng viên và phương pháp học tập đều tác động tích cực đến kết quả học tập của sinh viên.

Từ khóa: Kết quả học tập, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Abstract: The purpose of this study is to explore and measure the influence of factors on the learning outcomes of accounting the students at University of Economics – Technology for Industries. Data used in the analysis was collected from 528 students . The results show that learning motivation has a strong impact on learning outcomes. In addition, other factors such as likeability/concern, student-instructor interaction, organization, responsiveness and the ability to teach themselves all have positive effects positively to the learning outcomes

Keywords: Learning outcomes, University of Economics – Technology for Industries.

NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN CHỢ TRUYỀN THỐNG VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

EXPERIENCE RESEARCH BY A NUMBER OF COUNTRIES ON DEVELOPING TRADITIONAL FAIRS AND LESSONS FOR VIETNAM

Nguyễn Thị Phượng

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 25/03/2020, chấp nhận đăng ngày 18/04/2020

Tóm tắt: Chợ truyền thống ở Việt Nam đã trải qua quá trình hình thành và phát triển theo xu thế phát triển chung của kinh tế xã hội (KTXH) đất nước. Để tìm được hướng phát triển cho chợ truyền thống, mô hình chợ và phương thức quản lý chợ phù hợp với yêu cầu phát triển KTXH của đất nước trong khi vẫn phát huy được lợi thế của kênh lưu thông, trao đổi hàng hóa truyền thống và gìn giữ những giá trị văn hóa, tinh thần cùng bản sắc của chợ. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm phát triển chợ truyền thống của các nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước phát triển ở châu Âu, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc phát triển chợ truyền thống nhằm bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa, phát triển du lịch góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển của đất nước trong điều kiện hiện nay.

Từ khóa: Phát triển, chợ truyền thống.

Abstract: Traditional markets in Vietnam have gone through the process of forming and developing according to the general development trend of the country's socio-economic (socio-economic). In order to find a development direction for the traditional market, the market model and the market management method are suitable to the country's socio-economic development requirements while promoting the advantages of the traditional goods circulation and exchange channel. and preserve cultural values, spirit and identity of the market. Based on the research on the experience of developing traditional markets of countries with similar conditions to Vietnam, such as Thailand, Japan, Korea and developed countries in Europe, to draw lessons for Vietnam in the development of traditional markets in order to preserve and preserve its cultural identity and develop tourism contributes to the realization of the country's development objectives under current conditions.

Keywords: Developec, traditional markets.

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI ĐẾN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

THE IMPACT OF THE ECONOMY, CULTURE AND SOCIETY ON THE GENERAL EDUCATION IN QUANG NINH PROVINCE

Nguyễn Thị Thu Hà

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 04/05/2020, chấp nhận đăng ngày 18/05/2020

Tóm tắt: Sự tăng trưởng về kinh tế, nền tảng văn hóa cùng các nhân tố xã hội ảnh hưởng đến quy mô, chất lượng và đầu tư cho giáo dục. Trong khi đó, giáo dục là phương tiện để đánh thức tiềm năng và trí tuệ của mỗi cá nhân. Giáo dục cũng là nhân tố quyết định năng suất của một người và một quốc gia. Do đó, giáo dục và giáo dục phổ thông đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế, thúc đẩy tiến bộ xã hội và gia tăng thu nhập. Bài viết nghiên cứu mối tương quan giữa các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội và giáo dục phổ thông để làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách phát triển giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

Từ khóa: Giáo dục, giáo dục phổ thông, giáo dục Quảng Ninh, sự tác động đến giáo dục…

Abstract: The economic growth, cultural background, social factors affect the scales, quality and investment in education. Meanwhile, education is a means to awakening each individual's potential and intellect. Education is also a determinant of a person’s and a nation’s productivity. Therefore, education, general education plays a very crucial role in securing economic and social progress and improving income distribution. This article studies the interaction among the economy, culture, society and general education factors in making policies on the upcoming development of the general education in Quảng Ninh province.

Keywords: Education, general education, Quangninh education, the impact on education…

NGHIÊN CỨU BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÂU LẠC BỘ THỂ THAO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

RESEARCH ON MEASURES TO IMPROVE THE EFFICIENCY OF THE STUDENT SPORTS CLUBS OF UNIVERSITY OF ECONOMICS – TECHNOLOGY FOR INDUSTRIES

Trần Trọng Thân

Khoa Giáo dục thể chất - quốc phòng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 24/04/2020, chấp nhận đăng ngày 03/06/2020

Tóm tắt: Các câu lạc bộ thể dục thể thao sinh viên (CLB TDTT) là nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy phong trào tập luyện thể thao ngoại khóa ở mỗi trường đại học. Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao để tiến hành đánh giá hiệu quả hoạt động của các CLB TDTT sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động của các CLB TDTT còn nhiều hạn chế, chưa thu hút được sinh viên tham gia. Nghiên cứu đã đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các CLB TDTT. Qua đó nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa, tạo sân chơi lành mạnh cho sinh viên.

Từ khóa: Thể thao ngoại khóa, câu lạc bộ thể thao sinh viên, giáo dục thể chất.

Abstract: Student sports clubs are an important factor in promoting extracurricular sports movements in each university. Using basic research methods in the field of sports, this study evaluated the movements performance of the student sport clubs of The University of Economics - Technology for Industries. Results show that the activities of student sport clubs are limited, not attracting students to participate. Study proposed measures to improve the operational efficiency of the student sport clubs. That helps improve the quality of extracurricular physical training activities, creating a healthy playground for students.

Keywords: Extracurricular sports, student sports clubs, physical education.